

Bản án số: 04/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 20- 5 - 2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2020/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1985.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975.

Đều trú tại: Thôn A, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1930.

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

(Chị H có mặt, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 29/10/2002. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với gia đình bố mẹ anh T được hai năm, thì ăn riêng nhưng vẫn ở chung nhà, anh T lao động tự do còn chị đi làm công ty. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, anh T sống gia trưởng, thường hay ghen tuông vô cớ dẫn tới vợ chồng hay cãi chửi nhau, nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 02/2020, trong thời gian chị về nhà bố mẹ ở anh T có sang tìm gọi chị về

nhưng chị thấy không còn tình cảm với anh T nữa nên chị cũng không quay về chung sống. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thế Tr, sinh ngày 31/8/2002 và Nguyễn Thu H, sinh ngày 21/01/2010. Hiện nay con Tr đang ở với anh T và con H đang ở với chị; ly hôn nguyện vọng của chị muốn được tiếp tục nuôi con H và anh T nuôi con Tr không ai phải cấp dưỡng cho ai.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ anh Nguyễn Văn T là bị đơn trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống giữa anh chị đúng như chị H trình bày, vợ chồng hạnh phúc đến tháng 01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách của hai vợ chồng không hợp nhau, chị H sống không có tình cảm gì với anh, vợ chồng xảy ra va chạm và chị H đã về nhà bố mẹ ở từ tháng 02/2020 cho tới nay, trong thời gian chị H về nhà bố mẹ ở anh và gia đình anh có sang tìm gọi chị H về để chung sống nhưng chị H không quay về. Nay chị H xin ly hôn với anh, anh không nhất trí vì các con của anh còn nhỏ bố mẹ ly hôn thì sẽ bị ảnh hưởng.

Về con chung: Anh chị có hai con như lời trình bày của chị H, nếu phải ly hôn anh đề nghị được nuôi con Nguyễn Thế Tr, chị H nuôi con Nguyễn Thu H không ai phải cấp dưỡng cho ai.

Về tài sản chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án cũng tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của anh T, chị H. Tại biên bản xác minh ngày 27/4/2020, đại diện lãnh đạo xã Q, đại diện Hội phụ nữ xã, Công chức Tư pháp - hộ tịch xã và trưởng thôn A, xã Q đều xác định: Anh T, chị H có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau, chị H đã về chung sống cùng với mẹ đẻ từ tháng 02/2010 cho tới nay, anh chị đã ly thân nhau.

Bà Nguyễn Thị G là mẹ đẻ của anh T trình bày: Trong cuộc sống, anh T và chị H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, không tin tưởng nhau về kinh tế dẫn tới vợ chồng luôn cãi chửi nhau, chị H đã cho con của vợ chồng về chung sống với bố mẹ đẻ ở từ tháng 02/2020 và đã sống ly thân với nhau. Nay chị H xin ly hôn với anh T, quan điểm của bà mong muốn anh, chị quay về chung sống với nhau, còn chị H cứ cương quyết xin ly hôn với anh T bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Con Nguyễn Thế Tr nguyện vọng được ở với anh T, con Nguyễn Thu H nguyện vọng được ở cùng mẹ là chị H.

Đại diện Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em ở xã Q đề nghị lấy ý kiến nguyện vọng của các con và nên giao cho mỗi người nuôi một con để đảm bảo quyền lợi cho các con.

Tại phiên tòa: Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh T và đề nghị được nuôi con Nguyễn Thu H còn anh T nuôi con Nguyễn Thế Tr không ai phải cấp dưỡng cho ai. Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt không đồng ý ly hôn chị H, nếu phải ly hôn nguyện vọng của anh mỗi người nuôi một con, anh nuôi con Nguyễn Thế Tr và chị H nuôi con Nguyễn Thu H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều: 70, 71, 72 BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX căn cứ các điều: 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị H về xin ly hôn anh Nguyễn Văn T; về con chung: Xử giao cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Thu H, sinh ngày 21/01/2010; anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Thế Tr, sinh ngày 31/8/2002, kể từ tháng 5/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của các bên về việc không yêu cầu cấp dưỡng cho con; về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 29/10/2002. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp. Chị H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là tính cách của hai người không hợp nhau, quan điểm bất đồng, anh T thường hay ghen tuông vô cớ. Còn anh T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị H sống không có tình cảm với anh. Song cả chị H và anh T đều khẳng định anh chị không còn tình cảm với nhau, chị H đã về nhà bố mẹ ở không ai còn quan tâm đến ai. Mặc dù lời trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn của chị H và anh T không thống nhất nhưng thể hiện anh chị có sự bất đồng quan điểm sống, không có niềm tin đối với nhau, đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng, không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau. Tuy nhiên, chị H xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn

với lý do anh không muốn ảnh hưởng đến cuộc sống của các con. HĐXX thấy mặc dù anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh khẳng định không còn tình cảm với chị H nữa và thực tế anh T không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị H; lý do anh T không đồng ý ly hôn vì không muốn ảnh hưởng đến cuộc sống của các con là không chính đáng, không có cơ sở chấp nhận. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hôn nhân của chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại các điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thế Tr, sinh ngày 31/8/2002 và Nguyễn Thu H, sinh ngày 21/01/2010. Vợ chồng thống nhất thỏa thuận chị H nuôi con là Nguyễn Thu H, anh T nuôi con Nguyễn Thế Tr, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con với ai. Thỏa thuận của vợ chồng về việc nuôi con phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình và phù hợp với nguyện vọng của các con nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị H, anh T đều không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: 19, 21, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các khoản 4 Điều 147, các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Thu H, sinh ngày 21/01/2010; anh Nguyễn Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Thế Tr, sinh ngày 31/8/2002, kể từ tháng 5/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của các bên về việc không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Chị H, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự thẩm (Hôn nhân gia đình), được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AA/2017/0009763 ngày 11 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Nguyễn Văn Tú